

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2025/DS-ST
Ngày: 28-7-2025
“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ly;

2. Ông Tô Ngọc Liêm.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Trọng Khiêm, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kiều Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 259/2025/TLST-DS, ngày 06 tháng 5 năm 2025, về “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 392/2025/QĐXXST-DS, ngày 19 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại cổ phần S (được viết tắt là Ngân hàng); địa chỉ: Số B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Duy T; chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Ngân hàng – Chi nhánh B; địa chỉ: số H, đường N, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (theo Quyết định số 4039/2024/QĐ-PC ngày 27/12/2024 của Tổng giám đốc Ngân hàng); vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1990; địa chỉ: số B, tổ H, ấp A, xã H, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và tờ tự khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 28/7/2020, bà L có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh B – Phòng G đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng. Theo đó, Ngân hàng đã cấp thẻ số 472074-6803, số tài khoản 3814527028 cho bà L với hạn mức thẻ 20.000.000 đồng, lãi suất 33.2%/năm, mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà L đã thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền là 48.198.463 đồng. Đến ngày 22/5/2025, bà L còn nợ số tiền là 24.292.101 đồng, cụ thể, tiền gốc là 20.834.421 đồng; lãi quá hạn là 3.457.680 đồng.

Nay yêu cầu bà Nguyễn Thị Trúc L phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/5/2025 là 24.292.101 đồng, cụ thể, tiền gốc là 20.834.421 đồng; lãi quá hạn là 3.457.680 đồng. Bà Nguyễn Thị Trúc L có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 23/5/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng được ký kết giữa các bên.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Trúc L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng có văn bản trình bày ý kiến, cung cấp bổ sung tài liệu bản tự khai, bảng kê tiền lãi chi tiết, yêu cầu bà Nguyễn Thị Trúc L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 28/7/2025 tổng cộng là 26.222.639 đồng (trong đó gốc 20.834.421 đồng, lãi quá hạn là 5.388.218 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/7/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng được ký kết ngày 28/7/2020 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc bà Nguyễn Thị Trúc L trả Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 28/7/2025 là 26.222.639 đồng (trong đó gốc 20.834.421 đồng, lãi quá hạn là 5.388.218 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/7/2025 theo mức lãi suất được thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng được ký kết ngày 28/7/2020 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn, lãi cho vay dưới hình thức cấp thẻ tín dụng. Bà Nguyễn Thị

Trúc L hiện cư trú tại xã H, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về quan hệ tranh chấp*: Nguyên đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Trúc L do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký kết ngày 28/7/2020. Do vậy, vụ án được xác định là tranh chấp về giao dịch dân sự vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Trúc L đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bà Nguyễn Thị Trúc L vẫn không có mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Trúc L trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 28/7/2025 là 26.222.639 đồng (trong đó gốc 20.834.421 đồng, lãi quá hạn là 5.388.218 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/7/2025 theo thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký kết ngày 28/7/2020 cho đến khi thanh toán dứt nợ. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngân hàng cho rằng, vào ngày 28/7/2020, bà L có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh B – Phòng G đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng. Theo đó, Ngân hàng đã cấp thẻ số 472074-6803, số tài khoản 3814527028, hạn mức thẻ 20.000.000 đồng, lãi suất 33.2%/năm, mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà L đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 48.198.463 đồng. Đến ngày 22/5/2025, bà L còn nợ số tiền là 24.292.101 đồng, cụ thể, tiền gốc là 20.834.421 đồng; lãi quá hạn là 3.457.680 đồng nhưng không trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Trúc L trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 28/7/2025 là 26.222.639 đồng (trong đó gốc 20.834.421 đồng, lãi quá hạn là 5.388.218 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/7/2025 theo thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng được ký kết ngày 28/7/2020 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, có đủ căn cứ xác định giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Thị Trúc L có xác lập giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 472074-6803 ngày 28/7/2020; bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, hiện nay còn nợ lại Ngân hàng số tiền vốn gốc là 20.834.421 đồng như lời trình bày của Ngân hàng.

Xét thấy, việc xác lập hợp đồng tín dụng trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, là hợp đồng hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, đã làm phát sinh quyền và nghĩa

vụ của các bên theo hợp đồng đã giao kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 28/7/2025, bà Nguyễn Thị Trúc L còn nợ lại Ngân hàng số tiền vốn gốc là 20.834.421 đồng và lãi phát sinh nhưng không thanh toán nợ theo thỏa thuận cho đến nay, làm phát sinh nợ quá hạn nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị Trúc L có nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi tính đến ngày 28/7/2025 với tổng số tiền 26.222.639 đồng (trong đó gốc 20.834.421 đồng, lãi quá hạn là 5.388.218 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 29/7/2025 theo thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng được ký kết ngày 28/7/2020 cho đến khi thanh toán dứt nợ là phù hợp với thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng mà các bên đã giao kết; Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;
- Các Điều 280, 335, 336, 342, 357, 463 và 466 Bộ luật Dân sự 2015;
- Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với bà Nguyễn Thị Trúc L.

Buộc bà Nguyễn Thị Trúc L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S các khoản nợ sau:

- Nợ gốc là 20.834.421 (hai mươi triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn bốn trăm hai mươi một) đồng;
- Lãi quá hạn tạm tính đến ngày 28/7/2025 là 5.388.218 (năm triệu ba trăm tám mươi tám nghìn hai trăm mười tám) đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh B – Phòng G1 với bà Nguyễn

Thị Trúc L ngày 28/7/2020 kể từ ngày 29/7/2025 cho đến khi bà L thanh toán dứt các khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Trúc L phải chịu số tiền 1.311.000 (một triệu, ba trăm mười một nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 580.000 (năm trăm tám mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0024547 ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11).

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11 (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Phòng THADS khu vực 11 (1);
- Các đương sự (để thi hành) (4);
- Người đại diện hợp pháp của đương sự (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Lắm